BỘ Y TẾ
CỤC HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý, TIẾP THU GIẢI TRÌNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN VỀ DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT HƯỚNG DẪN VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ VÀ PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế đã tổ chức lấy ý kiến góp ý thông tư Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý: Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Sở Y tế các Tỉnh/ thành phố, Y tế các Bộ, ngành, Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, và xin ý kiến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử Bộ Y tế.

2. Kết quả cụ thể như sau:

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
A	**Nội dung dự thảo thông tư**			
I	**Tên Thông tư**			
II	**Bố cục, Thể thức, Trình tự, Thủ tục soạn thảo văn bản**			
III	**Căn cứ pháp lý**			
IV	**Góp ý chung**			
1		**Đại học Y dược TPHCM - Bệnh viện ĐHYD**	Bệnh viện đề xuất Bộ Y tế phân loại định mức diện tích đối với các cơ sở y tế theo vị trí địa lý, cấp chuyên môn, hiện trạng hay xây dựng mới. Đảm bảo sao cho vẫn chấp nhận diện tích các phòng như thực tế đang sử dụng, và vẫn có thể làm phòng rộng hơn đối với dự án xây dựng mới hoàn toàn trên diện tích đất rộng lớn.	Thông tư quy định định mức diện tích công trình cho các đơn vị sự nghiệp y tế do vậy phải đảm bảo tính nhất quán để áp dụng chung và là diện tích tối đa
2		**Cục An toàn thực phẩm**	- Đề nghị rà soát lại các quy định về định mức liên quan đến diện tích sử dụng đã được xây dựng và còn hiệu lực để tham khảo, làm căn cứ xây dựng Thông tư.	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			- Đề nghị có điều khoản chuyển tiếp quy định đối với những trường hợp công trình có sẵn mà có diện tích lớn hơn, điều kiện tốt hơn quy định trong dự thảo.	
3		**Cục Bà mẹ và Trẻ em**	1. Cơ bản đồng ý với dự thảo do Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế đề xuất danh mục Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực bà mẹ, trẻ em 2. Một số góp ý cụ thể: Đề xuất bổ sung, sửa đổi chi tiết (xin gửi kèm)	Nghiên cứu chỉnh sửa
4		**Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa**	Cần làm rõ hơn quy định về xây dựng hồi sức sơ sinh và hồi sức tích cực nhi	Nghiên cứu chỉnh sửa
5		**Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh**	Các không gian chức năng chung: - Phòng bác sỹ: có thêm phòng bác sỹ nam và phòng bác sỹ nữ. - Phòng điều dưỡng: có thêm phòng điều dưỡng nam và phòng điều dưỡng nữ.	Không chỉnh sửa. Đây là khu vực làm việc, không phân biệt Nam-Nữ
6		**Đại học Y dược TPHCM**	1. Bệnh viện đang quá tải vì có số lượng người khám rất đông do là một trong những bệnh viện tuyến cuối 2.Bệnh viện đề xuất Bộ Y tế phân loại định mức diện tích đối với các cơ sở y tế theo vị trí địa lý, cấp chuyên môn, hiện trạng hay xây dựng mới. Đảm bảo sao cho vẫn chấp nhận diện tích các phòng như thực tế đang sử dụng, và vẫn có thể làm phòng rộng hơn đối với dự án xây dựng mới hoàn toàn trên diện tích đất rộng lớn.	Thông tư quy định định mức diện tích công trình cho các đơn vị sự nghiệp y tế do vậy phải đảm bảo tính nhất quán để áp dụng chung và là diện tích tối đa
7		**Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh**	Để đảm bảo yêu cầu về an ninh-an toàn-phòng chống trốn thoát, đề nghị bổ sung vào danh mục công trình của Giám định pháp y tâm thần các hạng mục: Phòng bảo vệ, chốt gác, khu vực cho cán bộ công an canh giữ đối tượng, hệ thống giám sát....	Nghiên cứu chỉnh sửa
			Do chức năng vừa "giám định" vừa "bắt buộc chữa bệnh" và để có cơ sở thiết kế, thẩm định công trình, vì vậy giám định pháp y tâm thần cần được hướng dẫn về quy định tiêu chí tại các hạng mục như: yêu cầu về tường, cửa, ô thoáng, vật liệu chống phá, chống tự gây thương tích; hành lang, sân nội bộ; bố trí buồng bảo vệ, khu an toàn...	Không chỉnh sửa, Thông tư quy định định mức diện tích, Nội dung hướng dẫn thiết kế sẽ thuộc văn bản khác
8		**Viện Y học biển**	**Phòng khám sàng lọc trước tiêm, phòng tiêm vắc xin và khu theo dõi sau tiêm góp ý:** Khám chữa bệnh cũng nên có trong quy định **Phòng tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn góp ý:**	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			- Nội dung 22 mục trùng nhau. - Đề nghị rà soát và gộp: Oxy cao áp, Máy điều trị oxy cao áp đơn đề nghị sửa thành "Buồng điều trị oxy cao áp đơn chỗ". - Máy điều trị oxy cao áp loại dùng cho nhiều người đề nghị sửa thành: "Buồng điều trị oxy cao áp đa chỗ".	
9		**Sở Y tế Hà Nội**	- Qua rà soát, Sở Y tế Hà Nội nhận thấy các quy định hiện nay mang tính chất bao quát, chưa quy định cụ thể chi tiết diện tích sử dụng từng phòng, khu. - Hiện nay theo thực tế, một số đơn vị có những dự án xây dựng mới để làm cơ sở 2 hoặc mở rộng (Có những dự án đang thi công chưa hoàn thành, có những dự án mới chỉ có chấp thuận chủ trương,....): Những cơ sở mới này chưa có tổ chức, bộ máy do đó chưa có số lượng người làm việc được giao hoặc được phê duyệt trong đề án vị trí việc làm. Do đó, các đơn vị khó khăn trong việc xác định diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp đối với trường hợp này. - Về cách thức ban hành tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự nghiệp: Cơ quan có thẩm quyền khi ban hành tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự nghiệp sẽ là diện tích tối đa hay là diện tích cụ thể của từng đơn vị? - Tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự nghiệp được ban hành là số tổng diện tích mà đơn vị cần có hay phải ban hành diện tích chi tiết của từng khoa phòng trong đơn vị?	Không Chỉnh sửa. Theo nguyên tắc Nghị định 155/2025/NĐ-CP
10		**Sở Y tế Phú Thọ**	Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực Y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.	
11		**Bệnh viện Đa khoa Hà Tĩnh**	Về diện tích chuyên dùng: Đơn vị đề xuất chỉ áp dụng với các công trình được thiết kế và thi công sau thời điểm Thông tư có hiệu lực	Nghiên cứu chỉnh sửa
V	**Phần Thông tư**			
1	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**			
		Bộ Tài chính	Điều 1 Dự thảo Thông tư: Đề nghị sửa cụm từ "khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP" thành "điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP".	Nghiên cứu chỉnh sửa
2	**Điều 2. Đối tượng áp dụng**			
3	**Điều 3. Giải thích từ ngữ**			
	Khoản 1	**Cục Phòng bệnh**	- Bỏ khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư. - Bổ sung nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức công trình sự nghiệp của Trạm Y tế cấp xã.	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
		Sở y tế Hà Tĩnh	Tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Thông tư quy định "Diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế là diện tích sử dụng để phục vụ hoạt động chuyên môn y tế của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ."	Nghiên cứu chỉnh sửa
		Sở y tế Lâm Đồng	Dự thảo thông tư: "Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế quy định tại Thông tư này là diện tích được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật và là diện tích tối đa." Tuy nhiên, tại phụ lục II kèm theo dự thảo thông tư, diện tích tại các phòng, khu vực đa số được quy định dưới dạng khoảng (ví dụ: bộ phận đón tiếp, trực: 4-6 m2/chỗ làm việc). Việc quy định theo khoảng như vậy dẫn đến khó xác định đâu là diện tích tối đa để áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4. Đề nghị bổ sung nội dung tiêu chuẩn, định mức diện tích đối với mô hình trạm y tế, xã, phường, đặc khu.	Nghiên cứu chỉnh sửa
		Sở Y tế Quảng Trị	Đề nghị bổ sung Khoản 4: "4. Phòng trong Thông tư này là phần diện tích độc lập để phục vụ một phần hoạt động chuyên môn của Khoa hoặc của đơn vị thuộc Khoa.".	Nghiên cứu chỉnh sửa
4	**Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế**			
5	**Điều 5. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế**			
6	**Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế**			
7	**Điều 7. Điều khoản thi hành**			
8	**Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**			
		Sở Y tế Hà Nội	Đề nghị Bộ Y tế xem xét, điều chỉnh cụ thể như sau: "1. Đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp y tế đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không cần điều chỉnh nhiệm vụ, dự án theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nhiệm vụ, dự án phù hợp quy định tại Thông tư"	Nghiên cứu chỉnh sửa
		Sở Y tế Đà Nẵng	Tại "Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp" của dự thảo bổ sung: "3. Các cơ sở hoạt động sự nghiệp y tế đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này trừ khi thay đổi Giấy phép hoạt động và nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp y tế"	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
9	**Điều 9. Tổ chức thực hiện**			
10	**Các nội dung khác**			
		Sở Y tế Phú Thọ	Đề nghị bổ sung và làm rõ hơn một số nội dung trong dự thảo thông tư, cụ thể như sau: - Đề nghị bổ sung thêm nội dung cơ quan có thẩm quyền phê duyệt định mức chuyên dùng xem xét, quyết định số lượng phòng chuyên dùng vào Khoản 3, Điều 3 trong Dự thảo thông tư và sửa lại như sau: "Căn cứ điều kiện thực tế và chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt định mức chuyên dùng xem xét, quyết định việc chia tách, lồng ghép diện tích chuyên dùng, số lượng phòng chuyên dùng phù hợp với yêu cầu hoạt động chuyên môn".- Trong dự thảo Thông tư, một số nội dung liên quan đến tổng mặt bằng, dây chuyền, điện nước,.. chưa thấy đề cập đến, do đó cần vận dụng tính toán như thế nào với cùng một loại diện tích chuyên dùng? (áp dụng theo Thông tư hay Tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện và Tiêu chuẩn thiết kế - Tiêu chuẩn ngành?). - Trong dự thảo Thông tư chưa quy định về số lượng phòng (ví dụ 2 phòng hay 3 phòng khám nội; 01 phòng hay 02 phòng đẻ;…). Đề nghị bổ sung làm rõ trong phụ lục để dễ thực hiện.	Tiếp thu một phần, Thông tư quy định định mức diện tích, Nội dung hướng dẫn thiết kế sẽ thuộc văn bản khác
		Sở Y tế Lạng Sơn	Đối với phần căn cứ của dự thảo Thông tư đề nghị bổ sung thêm: "Căn cứ Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội".	Nghiên cứu chỉnh sửa
		Sở Y tế Hà Nội	Các nội dung chưa có trong phần lời dự thảo Thông tư đề nghị bổ sung: Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, bổ sung quy định cụ thể việc ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của cơ quan, người có thẩm quyền, cụ thể: (1) Các cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt diện tích công trình sự nghiệp có phải phê duyệt cụ thể cho từng đơn vị hay phê duyệt chung theo lĩnh vực (như ban hành chung cho lĩnh vực khám chữa bệnh,...) (2) Kính đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể cách thức phê duyệt định mức công trình sự nghiệp như thế nào: Quyết định phê duyệt chỉ cần thể hiện tổng diện tích hay cần phải chi tiết được từng mục như hướng dẫn của Bộ Y tế? (3) Kính đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể diện tích các cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho các đơn vị là diện tích tối đa hay diện tích cụ thể? Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, bổ sung cụ thể quy định, trong đó nêu rõ các phần diện tích sử dụng chung theo quy định tại Điều 10 và Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 có được quy định tại Thông tư chưa? Trường hợp đã được quy định thì nguyên tắc áp dụng nội dung này như thế nào	Không chỉnh sửa. Theo quy định Nghị định 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025, đã trao đổi với đại diện Sở Y tế Hà Nội tại cuộc họp ngày 25/11/2025

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, xem xét quy định cụ thể việc xác định diện tích công trình sự nghiệp trong 02 trường hợp mà thực tiễn phát sinh như sau: - Trường hợp 1: Trường hợp xây mới cơ sở y tế (chưa có, là đơn vị mới thành lập). - Trường hợp 2: Đơn vị đã có trụ sở đang hoạt động (cơ sở 1); tuy nhiên, đơn vị có nhu cầu xây mới 01 trụ sở tại 01 ví trí khác để làm cơ sở 2, 3 hoặc đơn vị có nhu cầu tiếp nhận thêm 01 trụ sở khác để làm cơ sở y tế tại 01 vị trí khác để làm cơ sở 2: Sở Y tế Hà Nội đề xuất: Đối với các trường hợp nêu trên, việc xây dựng tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự nghiệp sẽ căn cứ vào dự kiến các phòng ban, dự kiến nhân lực và dự kiến số lượng bệnh nhân cũng như định hướng phát triển bể xây dựng tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự nghiệp.	
		Bộ Tài chính	- Khoản 2 Điều 2 dự thảo Thông tư: Đề nghị sửa thành "Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế là cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155. - Đối với Phụ lục 2: Đề nghị nghiên cứu để quy định diện tích tối đa theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư vì tại Phụ lục Thông tư có nhiều diện tích quy định theo khung (ví dụ: từ 12-15 m², 60-90 m²,...). Trường hợp cần thiết quy định cả diện tích tối đa và tối thiểu thì đề nghị thuyết minh cụ thể cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và đánh giá tác động của chính sách. - Khoản 3 Điều 3 dự thảo Thông tư: Đề nghị sửa thành "Căn cứ điều kiện thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quyết định diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế lồng ghép hoặc không lồng ghép với các diện tích khác trong cơ sở hoạt động sự nghiệp (diện tích nhà làm việc các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích công trình sự nghiệp khác ngoài diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế)". - Khoản 1 Điều 5 dự thảo Thông tư: Đề nghị sửa thành "Đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp y tế đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này".	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
VI	**Phần Phụ lục**			
1		**Bệnh viện K**	- Góp ý Phụ lục 01 của văn bản này là chi tiết các diện tích chuyên dùng từ thực tiễn chuyên môn tại Bệnh viện K theo tính chất công việc, yêu cầu diện tích làm việc thực tế, đáp ứng các tiêu chuẩn hiện đại của ngành Y tế. - Góp ý Phụ lục 2, Mục B.8.3.9. Y học Hạt nhân – điều trị ung bướu với các chi tiết được liệt kê ở phụ lục 01 kèm theo.	Nghiên cứu chỉnh sửa
2		**Bệnh viện mắt TW**	Mục B8.4.2 Xét nghiệm STT 23.4: bổ sung trong cột chú thích: "Căn cứ quy mô, điều kiện năng lực chuyên môn, nhu cầu sử dụng để lựa chọn diện tích, số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích".	Nghiên cứu chỉnh sửa
3		**Bệnh viện tai mũi họng TW**	Mục B8.3.9 Phụ lục 2 Diện tích chuyên dùng phòng máy gia tốc: 100-150 m2/máy hoặc theo kích thước phòng tối thiểu của nhà sản xuất.	Nghiên cứu chỉnh sửa
4		**Cục An toàn thực phẩm**	**Danh mục công trình sự nghiệp lĩnh vực Y tế** - Nhóm chức năng y tế dự phòng: Để tránh trùng lặp, đề nghị xem xét chuyển các khu vực: Phòng giao ban, sinh hoạt chung; kho lưu hồ sơ; kho văn phòng phẩm; kho vật tư; Phòng tiếp, tư vấn khách hàng; Phòng họp sinh hoạt chung tại mục 5 - Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm gộp chung với mục 1. - Các không gian chức năng chung, do các không gian này cũng đều là không gian chung mà đơn vị sự nghiệp nào cũng có. - Hiện trong bảng A chưa có không gian chức năng của kiểm nghiệm thực phẩm. Do đó, đề nghị xin ý kiến của các đơn vị sự nghiệp về kiểm nghiệm thực phẩm như Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, Viện Dinh Dưỡng, Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh… - Đồng thời để tránh trùng lặp, đề nghị xem xét gộp lĩnh vực "thực phẩm" vào mục 5 Bảng A như sau: "Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm". - Mục 6 - An toàn thực phẩm: Đề nghị xem xét lại tên các không gian chức năng của lĩnh vực an toàn thực phẩm và xin ý kiến của các đơn vị sự nghiệp về thực phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm để bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. **Bảng Diện tích chuyên dùng lĩnh vực kiểm định, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm**	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			- Đề nghị bổ sung tiêu đề đầu mục của các cột trong bảng. - Hiện trong bảng B1.2 chưa có các nội dung về kiểm nghiệm thực phẩm. Do đó, để nghị xin ý kiến của các đơn vị sự nghiệp về kiểm nghiệm thực phẩm và xem xét gộp lĩnh vực " kiểm nghiệm thực phẩm" vào phần "Kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm, thực phẩm". - Đối với nội dung "An toàn thực phẩm": Đề nghị bổ sung quy định cho cán bộ là viên chức vì cán bộ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp còn có cả viên chức.	
5		**Cục Bà mẹ và Trẻ em**	**Lĩnh vực Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em** 8.1 Phòng trưởng, phó khoa (m2/phòng): 18-20 8.2 Phòng chuyên gia (m2/phòng): 6-9 8.3 Phòng chuẩn bị dụng cụ (m2/chỗ): 4-6 8.4 Phòng bác sĩ (m2/chỗ): 6-9 8.5 Phòng điều dưỡng (m2/chỗ): 4-6 8.6 Phòng khám bệnh (m2/chỗ): 9-15 8.7 Phòng chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên & thanh niên (m2/chỗ): 15-18 8.8 Phòng kế hoạch hóa gia đình (m2/chỗ): 15-18 8.9 Phòng tư vấn sức khỏe sinh sản (m2/chỗ): 15-18 8.10 Khoa dân số, trẻ em và bảo trợ xã hội (phòng dân số, phòng trẻ em, phòng bảo trợ xã hội) (m2/chỗ): 15-18 8.11 Phòng trực điện thoại – tổng đài 111 (m2/phòng): 12-18 8.12 Phòng máy chủ - tổng đài 111 (m2/phòng): 9-12 8.13 Phòng trị liệu tâm lý trẻ em (m2/giường): 12-15 8.14 Trường quay truyền hình vì trẻ em (m2/phòng): 80 -100 8.15 Phòng xử lý kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, dựng phim (m2/phòng): 24-30 **Các hạng mục lồng ghép vào các lĩnh vực Khám chữa bệnh** 8.16 Khu hỗ trợ sinh sản (phòng tư vấn, phòng khám nam, phòng khám nữ, phòng siêu âm, phòng tiêm và lấy máu xét nghiệm, phòng lấy mẫu tinh dịch, phòng xét nghiệm và lọc rửa tinh trùng, phòng bơm tinh trùng vào buồng tử cung, phòng chọc hút noãn – chuyển phôi, phòng lab thụ tinh trong ống nghiệm, phòng trữ đông…) (m2/đơn nguyên) Khoảng 500m2 8.16.1 Phòng tư vấn (m2/phòng) 9-12m2 8.16.2 Phòng khám nam (m2/phòng) 9-12m2 8.16.3 Phòng khám nữ (m2/phòng) 9-12m2 8.16.4 Phòng siêu âm (m2/phòng) 9-12m2	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			8.16.5 Phòng tiêm và lấy máu xét nghiệm (m2/phòng) 9-12m2 8.16.6 Phòng lấy mẫu tinh dịch (m2/phòng) ~10m2 8.16.7 Phòng xét nghiệm và lọc rửa tinh trùng (m2/phòng) 15 20m2 8.16.8 Phòng bơm tinh trùng vào buồng tử cung (m2/phòng) 15 20m2 8.16.9 Phòng chọc hút noãn – chuyển phôi (m2/phòng) 18 22m2 8.16.10 Phòng lab thụ tinh trong ống nghiệm (m2/phòng) 30 50m2 8.16.11 Phòng lưu bệnh nhân sau thủ thuật (m2/giường) 5 8.16.12 Phòng trữ đông (m2/phòng) 15 18m2	
6		**Cục Dân số**	1. Tên không gian chức năng tại mục A đề nghị sửa "Nhóm chức năng y tế dự phòng" thành "Danh mục công trình sự nghiệp y tế - Nhóm Dân số" 2. Phần B1 Sửa "B1. NHÓM CHỨC NĂNG Y TẾ DỰ PHÒNG" thành "B. TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CỤ THỂ" để phù hợp với nội dung. 3. Về Bảng số 7 – Danh mục phòng chức năng lĩnh vực Dân số Đề nghị bổ sung đầy đủ các phòng chức năng theo nhiệm vụ của hệ thống dân số ở Trung ương (Cục Dân số) và địa phương (Chi cục, Trạm Y tế) theo Thông tư 43/2025/TT-BYT.Cần đưa vào danh mục: Phòng chuyên dùng cho công tác dân số: tư vấn, truyền thông, cấp phát, quản lý dân số… Phòng và hạng mục phục vụ các dịch vụ dân số đặc thù: kHám sức khỏe trước kết hôn sàng lọc trước sinh, sơ sinh dịch vụ kế hoạch hóa gia đình Các hạng mục này hiện đang nằm ở Bảng 20 (lĩnh vực KCB), đề nghị chuyển hoặc dẫn chiếu về danh mục dân số (B6) để:phù hợp chức năng Cục Dân số theo Quyết định 2586/QĐ-BYT (2025) làm căn cứ đầu tư các phòng chuyên môn tại Trạm Y tế và các bệnh việntránh trùng lặp giữa lĩnh vực KCB và Dân số. 4. Bổ sung hạng mục "Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ban ngày" Căn cứ các chủ trương, nhiệm vụ tại: Quyết định 1579/QĐ-TTg (2020) về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi Kết luận 149-KL/TW (2025) Nghị quyết 21-NQ/TW và 72-NQ/TW (2025) Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn – định mức diện tích cho "Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ban ngày" vào hệ thống tiêu chuẩn công trình sự nghiệp y tế để: phát triển mô hình chăm sóc người cao tuổi hỗ trợ xây dựng mạng lưới lão khoa tại tuyến tỉnh hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng và chăm sóc dài hạn.	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			5. Về đơn vị tính – diện tích – chú thích Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung và chuẩn hóa đơn vị tính, diện tích sử dụng, ghi chú cho các hạng mục:. **A Hạng mục tại hệ thống Dân số (đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Dân số, Chi cục Dân số và trạm y tế xã)** 7.1 Phòng trưởng, phó khoa (m2/phòng) 18-20 7.2 Phòng chuyên gia (m2/chỗ) 15 20 7.3 Phòng Thông tin và Nghiên cứu (m2/người) 7.4 Khu sản xuất sản phẩm truyền thông về dân số (m2/phòng) 80 – 100 7.5 Khu tư liệu và thư viện (m2/phòng) 75 90 7.6 Phòng công nghệ thông tin (m2/người) 7.7 Khu trung tâm tích hợp dữ liệu (m2/phòng) 60 8 7.8 Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (tổng thể) 7.8.1 Phòng chăm sóc sức khỏe thể chất (Kiểm tra, theo dõi, tư vấn sức khỏe; Tập luyện các bài thể dục và phục hồi chức năng) (m2/phòng) 50 60 7.8.2 Phòng chăm sóc sức khỏe tinh thần (sinh hoạt chung và vui chơi, giải trí). (m2/phòng) 50 60 7.8.3 Phòng làm việc của cán bộ nhân viên (thuộc điểm chăm sóc người cao tuổi) 7.8.4 Bếp, nhà ăn (nếu cung cấp dịch vụ ăn trưa) (m2/chỗ) 7.8.5 Khu nghỉ ngơi buổi trưa m2/chỗ 1,8 7.8.6 Khu vệ sinh hợp chuẩn dành cho người cao tuổi m2/phòng 6-8 7.8.7 Phòng y tế chăm sóc người cao tuổi m2/người 24 - 30 7.8.8 Sân chơi phục vụ hoạt động ngoài trời m2/người 1,5 7.9 Phòng tư vấn/sinh hoạt nhóm (tổ chức truyền thông, giáo dục, vận động chính sách dân số, pháp luật về dân số, sức khỏe, dinh dưỡng và các vấn đề xã hội khác) m2/người 1,8 7.10 Phòng tư vấn các dịch vụ về dân số (Tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; Tư vấn về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; Tư vấn Kế hoạch gia đình; Các biện pháp vô sinh tại cộng đồng; Tư vấn các dịch vụ dân số khác theo quy định của pháp luật …) m2/chỗ 15 18 7.11 Kho lưu trữ tài liệu, sản phẩm truyền thông m2/phòng 15-18 7.12 Khu cấp phát các phương tiện tránh thai m2/phòng 80 100 7.13 kho hậu cần phương tiện tránh thai m2/phòng 15-18 7.14 Phòng lấy mẫu(sàng lọc trước sinh, sơ sinh). m2/phòng 15-18	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			7.15 Phòng siêu âm (m2/máy) 9-12 7.16 Phòng khám phụ khoa m2/phòng 20 **B Hạng mục lồng ghép với lĩnh vực Khám chữa bệnh** 7.17 Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh (đơn vị sàng lọc sơ sinh, đơn vị thính học, đơn vị siêu âm tiền sản, đơn vị xét nghiệm, các phòng chức năng khác) 7.17.1 Phòng trưởng, phó khoa (m2/phòng) 18 20 7.17.2 Khu vệ sinh nhân viên (m2/phòng) 18 24 7.17.3 Khu vệ sinh bệnh nhân (m2/phòng) 18 24 7.17.4 Phòng chuyên gia (m2/chỗ) 6-9 7.17.5 Phòng bác sĩ (m2/chỗ) 6-9 7.17.6 Phòng sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh (m2/chỗ) 15 18 7.17.7 Phòng đo thông số thính học (m2/phòng) 12 15 7.17.8 Phòng siêu âm (m2/máy) 9 12 7.17.9 Khu vực xét nghiệm hóa sinh miễn dịch (m2/khu vực) 7.17.10 Khu vực xét nghiệm di truyền tế bào (m2/khu vực) 7.17.11 Khu vực giải trình tự gene thế hệ mới (m2/khu vực) 7.17.12 Khu vực sắc ký lỏng khối phổ kép (m2/khu vực) 7.17.13 Phòng nhập liệu và phân tích kết quả (m2/phòng) 7.17.14 Phòng trả kết quả và tư vấn (m2/chỗ làm việc/người) 6-10 7.18 Phòng tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (m2/chỗ) 15-18 7.19 Phòng tư vấn/sinh hoạt nhóm (tổ chức truyền thông, giáo dục, vận động chính sách dân số, pháp luật về dân số, sức khỏe, dinh dưỡng và các vấn đề xã hội khác) (m2/người) 1,8 Phòng tư vấn kế hoạch hóa gia đình (m2/chỗ) 15 18 7.20 Phòng tư vấn kế hoạch hóa gia đình (m2/chỗ) 15 18 7.21 Kho lưu trữ tài liệu, sản phẩm truyền thông (m2/phòng) 15 18 7.22 Phòng cung cấp thông tin và phương tiện tránh thai (m2/phòng) 15 18 7.23 Kho hậu cần phương tiện tránh thai (m2/phòng) 15 18 7.24 Khu cấp phát các phương tiện tránh thai (m2/phòng) 80 100 7.25 Phòng lấy mẫu (sàng lọc trước sinh, sơ sinh). (m2/phòng) 15 1 7.26 Phòng thực hiện kỹ thuật nhỏ (thực hiện các thủ thuật KHHGĐ đơn giản). (m2/phòng) 24 30 7.27 Phòng khám, tư vấn sức khỏe người cao tuổi (m2/chỗ) 15 18	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			7.28 Phòng hoạt động, phục hồi chức năng cộng đồng. (m2/phòng) 15 18 7.29 Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ban ngày (m2/điểm chăm sóc) 7.29.1 Phòng chăm sóc sức khỏe thể chất (Kiểm tra, theo dõi, tư vấn sức khỏe; Tập luyện các bài thể dục và phục hồi chức năng) (m2/phòng) 50 60 7.29.2 Phòng chăm sóc sức khỏe tinh thần (sinh hoạt chung và vui chơi, giải trí). (m2/phòng) 50 60 7.29.3 Phòng làm việc của cán bộ nhân viên 7.29.4 Bếp, nhà ăn (nếu cung cấp dịch vụ ăn trưa) (m2/chỗ) 1,2 7.29.5 Khu nghỉ ngơi buổi trưa (m2/chỗ) 1,8 7.29.6 Khu vệ sinh hợp chuẩn dành cho người cao tuổi m2/phòng 6-8 7.29.7 Phòng y tế chăm sóc người cao tuổi m2/phòng 24 30 7.29.8 Sân chơi phục vụ hoạt động ngoài trời m2/người 1,5 2,5	
7		**Cục Phòng bệnh**	**Bảng 1. Các không gian chức năng dùng chung** 2.1 Bộ phận đón tiếp, trực (m2/chỗ làm việc) 5-6 2.2 Chỗ đợi (m2/chỗ đợi) 1,2 1,5/người lớn 1,5 - 1,8/trẻ em 2.3 Phòng giao ban, sinh hoạt chung (m2/người) ,8-1,0 2.4 Khu vệ sinh (m2/phòng) 18-24 2.6 Kho đa dụng (vật tư, thiết bị, dụng cụ, tài liệu…) (m2/phòng) 12-24 2.7 Phòng máy tính và quản trị mạng 33-36 3.1 Phòng trưởng khoa, phó khoa (m2/phòng) Theo Nghị định số 155/2025/NĐCP 3.2 Phòng chuyên gia (m2/chỗ) 5-10 3.3 Phòng bác sĩ (m2/chỗ) 9-12 3.4 Phòng điều dưỡng (m2/chỗ) 9-12 3.5 Phòng chuẩn bị dụng cụ (m2/chỗ) 9-12 3.6 Phòng giảng đường, truyền thông (m2/người) 0,8-1,0 3.7 Phòng sinh viên, thực tập sinh (m2/người) 0,8-1,0 3.8 Phòng trực theo dõi bệnh nhân (m2/phòng) 15-18 3.12 Kho sạch (m2/phòng) 18-21 3.13 Kho dụng cụ (m2/phòng) 15-18 3.15 Chỗ nhận mẫu bệnh phẩm (m2/chỗ) 5-6 3.18 Phòng sơ cứu, cấp cứu (m2/giường) 12-15 m2/phòng, nếu có từ 03 giường lưu trở lên thì diện tích trung bình 5 m2/giường bệnh	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Khu vực tiêm + tiêm vắc xin 3.19 Phòng khám sàng lọc trước tiêm (m2/chỗ) Phòng thực hiện tư vấn, khám sàng lọc 3.20 Phòng tiêm vắc xin (m2/chỗ tiêm) Phòng thực hiện tiêm chủng 3.21 Khu theo dõi sau tiêm (m2/chỗ) Khu vực theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng 3.31 Phòng tiếp đón bệnh nhân, uống thuốc (m2/phòng) 5-6 m2/chỗ 3.34 Phòng tư vấn (m2/chỗ) 9-12 3.35 Phòng xét nghiệm (m2/phòng) 24-36 3.37 Phòng kiểm soát nhiễm khuẩn, chuẩn bị dụng cụ (m2/phòng) 9-12 **Khu xét nghiệm** Khu vực xét nghiệm Vi sinh: 243 251 m2/ khu vực Khu vực xét nghiệm Hóa sinh: 356 440 m2/ khu vực Khu vực xét nghiệm Huyết học: 338-458 m2/ khu vực **Khu kỹ thuật nghiệp vụ** 3.48 Quầy thuốc (m2/chỗ) 5-6 3.49 Khu vực truyền thông giáo dục sức khỏe: 0,1-0,2 m2/người 3.50.1 Khu bảo quản, xếp hàng (m2) - Kho dược: 32-45 - Khu cấp phát: 18-24 3.50.3 Phòng nhân viên trực kho (m2/phòng) 15-18 3.51.1 Khu bảo quản, xếp hàng (m2) - Kho lạnh: 15-18 - Khu cấp phát: 18-24 3.51.4 Phòng nhân viên trực kho (m2/phòng) 15-18 3.52.1 Khu bảo quản, xếp hàng (m2) - Kho hóa chất: 12- 15 - Khu cấp phát: 18 - 24 3.52.3 Phòng nhân viên trực kho (m2/phòng) 15-18 3.53.1 Khu bảo quản, xếp hàng (m2) - Kho bông băng y tế, dụng cụ y tế: 36-45 - Kho dự trữ dụng cụ y tế: 32-36 3.53.3 Phòng nhân viên trực kho (m2/phòng) 15-18 3.54.2 Khu cấp phát, trực thủ thư (m2/chỗ) 15-18	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Các khoa phòng chuyên môn (Khoa phòng chống bệnh truyền nhiễm; Khoa phòng chống HIV-AIDS; Khoa phòng chống bệnh không lây nhiễm; Khoa dinh dưỡng; Khoa sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp; Khoa sức khỏe sinh sản; Khoa truyền thông, giáo dục sức khỏe; Khoa ký sinh trùng - côn trùng; Khoa dược - vật tư y tế; Khoa kiểm dịch y tế quốc tế) (m2/người) Theo Nghị định số 155/2025/NĐCP	
8		Cục Quản lý dược	1. Cục Quản lý Dược đã có công văn góp ý điều chỉnh bổ sung Danh mục công trình sự nghiệp trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm tại công văn số 1030/QLD-CL ngày 11/09/2025 nhưng Danh mục gửi kèm theo công văn số 1169/HTTB-QLCL nêu trên chưa cập nhật đầy đủ Danh mục mà Cục Quản lý Dược đã góp ý (gửi kèm công văn này). 2. Cục Quản lý Dược rà soát và góp ý Danh mục theo yêu cầu tại công văn số 1169/HTTB-QLCL theo Phụ lục đính kèm công văn này. **5 Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm** **5.2 Khu vực dùng chung cho lab thử nghiệm (Dùng chung cho mỗi Lab)** 1. Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm 2 Khu vực đặt cân phân tích 3 Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt 4 Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn 5 Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường 6 Khu vực đặt thiết bị áp lực 7 Khu vực thay quần áo thử nghiệm 8 Khu vực rửa dụng cụ **5.3 Khu vực cho Lab thử nghiệm hóa lý** 1 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử hóa lý 2 Khu vực xử lý mẫu thử hóa lý 5.4 Khu vực chuyên dùng cho Lab thử nghiệm Đông dược, dược liệu 1 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu đông dược, dược liệu 2 Khu vực xử lý mẫu thử đông dược, dược liệu **5.5 Khu vực chuyên dùng cho Lab thử nghiệm Vi sinh** 1 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử vi sinh 2 Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn vi sinh. 3 Khu vực xử lý mẫu thử vi sinh **5.6 Khu vực dùng cho sản xuất chất chuẩn, ống chuẩn**	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			1 Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn. 2 Khu vực bảo quản hóa chất 3 Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất 4 Khu vực tủ hút mùi 5 Khu vực đặt cân cho sản xuất chất chuẩn 6 Khu vực sản xuất chuẩn 7 Khu vực sản xuất ống chuẩn độ **5.7 Khu vực dùng cho kiểm nghiệm dược lý** 1 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử dược lý 2 Khu vực xử lý mẫu thử dược lý **5.8 Khu vực dùng cho Lab kiểm định hiệu chuẩn thiết bị** 1 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích 2 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt 3 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng 4 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn tương ứng với phạm vi chứng nhận. **5.9 Khu vực dùng cho Lab kiểm định vắc xin, sinh phẩm, IVD** 1 Phòng nuôi cấy, đánh giá chất lượng tế bào 2 Phòng cung cấp môi trường 3 Phòng kiểm định vắc xin vi rút 4 Phòng kiểm định vắc xin vi khuẩn 5 Phòng kiểm định vô trùng 6 Phòng kiểm định hóa lý 7 Phòng điểm định sinh phẩm 8 Phòng mẫu chuẩn 9 Phòng lưu mẫu (kho lạnh) 10 Phòng quản lý hệ thống chất lượng 11 Phòng động vật thực nghiệm: Khu sinh sản, Khu nuôi động vật thử nghiệm, Khu đánh giá chất lượng động vật, Phòng cách ly, Các phòng thử nghiệm trên động vật (Phòng an toàn, phòng công hiệu, phòng chất gây sốt…), Khu mổ khám động vật, Khu vệ sinh khử trùng lồng, Kho thức ăn, Phòng đựng xác động vật… 12 Phòng kiểm định IVD	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			13 Phòng nghiên cứu phát triển 14 Khu vực thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại tại chỗ. **5.10 Khu vực thử nghiệm tương đương sinh học** 1 Phòng tiếp, tư vấn khách hàng 2 Phòng họp sinh hoạt chung 3 Phòng/khu vực phòng làm việc khu phân tích 4 Phòng/khu vực thiết bị phân tích 5 Phòng/ khu vực xử lý mẫu hóa lý 6 Phòng/ khu vực xử lý mẫu sinh học 7 Phòng/khu vực tủ hút mùi 8 Phòng/khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn 9 Phòng/khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thuốc 10 Phòng/khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu sinh học 11 Phòng/khu vực vật tư, phụ kiện phân tích 12 Phòng/khu vực thiết bị điện dự phòng, máy chủ 13 Phòng/khu vực thiết bị chịu áp lực 14 Phòng/khu vực phòng làm việc khu lâm sàng 15 Phòng/Khu vực đón tiếp người tham gia nghiên cứu 16 Phòng tư vấn người tham gia nghiên cứu 17 Phòng/Khu vực khám sàng lọc người tham gia nghiên cứu 18 Phòng/Khu vực xét nghiệm cận lâm sàng 19 Phòng bảo quản, chuẩn bị thuốc nghiên cứu 20 Khu vực sử dụng thuốc nghiên cứu thử lâm sàng 21 Phòng cấp cứu, ICU 22 Phòng/Khu vực giám sát sinh lý trung tâm, trực y tế 23 Phòng/Khu vực lấy mẫu, ly tâm, chiết mẫu sinh học 24 Phòng/Khu vực bảo quản mẫu sinh học 25 Phòng/Khu vực chuẩn bị suất ăn cho người tham gia nghiên cứu 26 Phòng/Khu vực ăn của người tham gia nghiên cứu 27 Phòng/Khu vực lưu trú và theo dõi người sử dụng thuốc 28 Phòng/Khu vực giải trí của người tham gia nghiên cứu 29 Phòng/Khu vực vệ sinh, nhà tắm của người tham gia nghiên cứu	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			30 Phòng giặt, tiệt trùng quần áo 31 Phòng/khu vực kho vật tư lâm sàng 32 Phòng/khu vực viết hồ sơ, phân tích thống kê 33 Khu vực thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại tại chỗ **6 An toàn thực phẩm** **B1. NHÓM CHỨC NĂNG Y TẾ DỰ PHÒNG** Diện tích dùng chung cho mỗi lab thử nghiệm Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm Khu vực đặt cân phân tích Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử hóa lý m2 100 - 150 (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.1) **Kiểm nghiệm đông dược – dược liệu** Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2) **Kiểm nghiệm vi sinh** Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử vi sinh m2 100 - 150 Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn vi sinh. Khu vực xử lý mẫu thử vi sinh **Hệ thống phòng sạch** Khu vực đóng, ra lẻ chủng chuẩn vi sinh (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2)	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Sản xuất chất chuẩn, ống chuẩn Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn. m2 100 - 150 Khu vực bảo quản hóa chất Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất Khu vực tủ hút mùi Khu vực đặt cân cho sản xuất chất chuẩn Khu vực sản xuất chuẩn Khu vực sản xuất ống chuẩn độ Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn. Khu vực bảo quản hóa chất Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất Khu vực tủ hút mùi Khu vực đặt cân cho sản xuất chất chuẩn (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2) **Kiểm nghiệm dược lý** Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử dược lý m2 100 - 150 Khu vực xử lý mẫu thử dược lý Phòng nuôi động vật Phòng cách ly động vật trước thử nghiệm Phòng tạm giữ động vật thí nghiệm Phòng thử nghiệm trên động vật Phòng thử chất gây sốt Phòng phẫu thuật trên động vật Phòng nuôi cấy tế bào Phòng chuẩn bị thức ăn cho động vật Phòng kho đặc thù Phòng để tủ đông đựng xác động vật thí nghiệm Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử dược lý Khu vực xử lý mẫu thử dược lý	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Phòng nuôi động vật m2 100 - 150 (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2) **Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị** Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích m2 100 - 150 Phòng có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn tương ứng với phạm vi chứng nhận Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn tương ứng với phạm vi chứng nhận Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2) **Kiểm định vắc xin, sinh phẩm, IVD** Phòng nuôi cấy, đánh giá chất lượng tế bào Phòng cung cấp môi trường Phòng kiểm định vắc xin vi rút Phòng kiểm định vắc xin vi khuẩn Phòng kiểm định vô trùng Phòng kiểm định hóa lý Phòng điểm định sinh phẩm Phòng mẫu chuẩn	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Phòng lưu mẫu (kho lạnh) Phòng quản lý hệ thống chất lượng Phòng động vật thực nghiệm: Khu sinh sản, Khu nuôi động vật thử nghiệm, Khuđánh giá chất lượng động vật, Phòng cách ly, Các phòng thử nghiệm trên động vật (Phòng an toàn, phòng công hiệu, phòng chất gây sốt…), Khu mổ khám động vật, Khu vệ sinh khử trùng lồng, Kho thức ăn, Phòng đựng xác động vật… **Phòng kiểm định IVD** Phòng nghiên cứu phát triển m2 100 - 150 (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2) **Thử nghiệm tương đương sinh học** Phòng tiếp, tư vấn khách hàng m2 100 - 150 Phòng họp sinh hoạt chung Phòng/khu vực phòng làm việc khu phân tích Phòng/khu vực thiết bị phân tích Phòng/ khu vực xử lý mẫu hóa lý Phòng/ khu vực xử lý mẫu sinh học Phòng/khu vực tủ hút mùi Phòng/khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn Phòng/khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thuốc Phòng/khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu sinh học Phòng/khu vực vật tư, phụ kiện phân tích Phòng/khu vực thiết bị điện dự phòng, máy chủ Phòng/khu vực thiết bị chịu áp lực Phòng/khu vực phòng làm việc khu lâm sàng Phòng/Khu vực đón tiếp người tham gia nghiên cứu Phòng tư vấn người tham gia nghiên cứu Phòng/Khu vực khám sàng lọc người tham gia nghiên cứu Phòng/Khu vực xét nghiệm cận lâm sàng Phòng bảo quản, chuẩn bị thuốc nghiên cứu	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Khu vực sử dụng thuốc nghiên cứu thử lâm sàng Phòng cấp cứu, ICU Phòng/Khu vực giám sát sinh lý trung tâm, trực y tế Phòng/Khu vực lấy mẫu, ly tâm, chiết mẫu sinh học Phòng/Khu vực bảo quản mẫu sinh học Phòng/Khu vực chuẩn bị suất ăn cho người tham gia nghiên cứu Phòng/Khu vực ăn của người tham gia nghiên cứu Phòng/Khu vực lưu trú và theo dõi người sử dụng thuốc (Phòng viết hồ sơ, lưu hồ sơ, Phòng lưu mẫu, bảo quản mẫu, Phòng bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Phòng cân, Phòng xử lý mẫu, Phòng thiết bị sinh nhiệt, Phòng thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Phòng rửa dụng cụ…được tính thêm theo mục 5.2)	
9		**Cục quản lý Y, Dược cổ truyền**	I. Đối với Phụ lục 1 1. Mục A. Danh mục công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế: - Đối với không gian chức năng chung: Đề nghị ghi rõ số lượng phòng bác sỹ nam, phòng bác sỹ nữ, phòng điều dưỡng nam và phòng điều dưỡng nữ. - Đối với diện tích dùng chung: Đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung chuyển tiếp đối với với các công trình được thiết kế và thi công sau thời điểm Thông tư có hiệu lực. 2. Đối với STT 30. Dược: - Mục Các phòng bào chế tân dược, đông dược: Đề nghị bổ sung khu vực sản xuất thuốc dạng bào chế truyền thống, dạng bào chế hiện đại và khu vực kiểm tra, kiểm soát chất lượng. - Đề nghị chỉnh sửa tên các gọi một số không gian trong Phòng chế dược liệu khô: “Xay tán” chỉnh sửa thành “Bào, xay, sao, trộn”, “Bếp sắc thuốc, nấu cao” thành “Khu vực sắc thuốc, nấu cao”. II. Đối với Phụ lục Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng khám bệnh, chữa bệnh 1. Mục 3.6 Khoa Y học cổ truyền: Đề nghị tăng diện tích đối với phòng khám Đông y, phòng châm cứu lên tối thiểu 18 - 24 m2/chỗ. 2. Mục 4.8 Khoa Dược, đề nghị bổ sung một số nội dung sau: - Người đứng đầu cơ sở quyết định về diện tích sử dụng tương ứng với quy mô của cơ sở đối với các khu vực: Sản xuất thuốc dạng bào chế truyền thống (tối thiểu 20 – 32 m2/phòng), Sản xuất thuốc dạng bào chế hiện đại (tối thiểu 36 – 45 m2/phòng, Khu vực kiểm tra, kiểm soát chất lượng (tối thiểu 20 – 32 m2/phòng).	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			- Quy định về chiều cao nơi đặt máy móc, thiết bị phục vụ chế biến, bào chế, sản xuất dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền tối thiểu 7 mét.	
10		**Cục bảo trợ xã hội**	Đề nghị sửa đổi, bổ sung mụcA, Phục lục1 **2 Khoa phòng** Phòng khám chuyên khoa/phòng y tế/khoa PHCN Phòng Công tác xã hội và phát triển cộng đồng Phòng học văn hóa Phòng giáo dục chuyên biệt; trị liệu tâm lý Khoa điều trị/chăm sóc bệnh nhân nặng Khoa chăm sóc bệnh nhân Nam Khoa chăm sóc bệnh nhân Nữ Khoa dinh dưỡng Khoa dược – cận lâm sàng Khoa can thiệp trẻ em tự kỳ **3 Khu vực chức năng** Khu tiếp nhận, đánh giá ban đầu Khu vực nuôi dưỡng, chăm sóc thường xuyên Khu vực điều trị, phục hồi chức năng Khu vực lao động trị liệu/khu học nghề Khu sinh hoạt chung (văn hoá, thể thao) **2. Tại điểm B1.3, mục B1, Phụ lục 1** Khu bếp Khu kỹ thuật; nhà xe Khu vệ sinh chung Khu tiếp nhận, đánh giá ban đầu (m2/người) 1,5-1,8m2/người Khu vực nuôi dưỡng, chăm sóc thường xuyên (m2/người) 6-8m2/người Khu vực điều trị, phục hồi chức năng (m2/người) 1,5-1,8m2/người Khu vực học tập – dạy nghề - lao động trị liệu (m2/người) 1,5-1,8m2/người Khu sinh hoạt chung (văn hoá, thể thao) (m2/người) 2 Bếp ăn (m2/người) 1,5-1,8m2/người Khu kho, xưởng (m2/phòng) 12-15 Khu bếp (m2/người) 1,5-1,8m2/người	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Khu kỹ thuật; nhà xe (m2/phòng) 12-15 Khu vệ sinh chung (m2/người) 1,5-1,8m2/người Phòng hành chính – Tổng hợp Phòng khám chuyên khoa/phòng y tế/khoa PHCN Phòng Công tác xã hội và phát triển cộng đồng Phòng học văn hóa Phòng chăm sóc khẩn cấp và dài hạn Phòng chăm sóc bán trú và chăm sóc ban ngày Phòng giáo dục chuyên biệt; trị liệu tâm lý Khoa điều trị/chăm sóc bệnh nhân nặng Khoa chăm sóc bệnh nhân Nam Khoa chăm sóc bệnh nhân Nữ Khoa dinh dưỡng Khoa dược – cận lâm sàng Khoa can thiệp trẻ em tự kỳ	
11		**Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông**	1. Tại mục 3.6. Khoa Y học cổ truyền. Về diện tích phòng khám Đông y, phòng châm cứu: không đảm bảo diện tích cho các trang thiết bị như giường bệnh, bàn ghế, tủ thuốc, máy tính để bàn cho bác sĩ và điều dưỡng, chậu rửa lavabo,... không đủ không gian để đảm bảo hoạt động khám, chữa bệnh thuận tiện và an toàn. Đề nghị: Điều chỉnh tăng diện tích sử dụng từ 9–15 m^2/chỗ lên 18-24 m^2/chỗ. 2. Tại mục 4.8. Khoa Dược: 2.1. Hiện tại, chưa có tên diện tích chuyên dùng khoa Dược dành cho Y học cổ truyền. Tại phụ lục của công văn, các tên diện tích chuyên dùng về dược trong Y học cổ truyền trong lồng ghép chung trong mục 3.6. Khoa Y học cổ truyền. Đề nghị: Bổ xung thêm tên danh mục diện tích chuyên dùng khoa Dược trong bệnh viện Y học cổ truyền. 2.2. Về kho bảo quản thuốc kiểm nghiệm – quản lý chất lượng: Thuốc sản xuất, thuốc bào chế cần được bảo quản lưu mẫu, do vậy cần có kho đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, cơ sở vật chất để lưu các mẫu này theo quy định của thuốc kiểm nghiệm - quản lý chất lượng.	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Đề nghị: Bổ sung Tên kho bảo quản thuốc kiểm nghiệm – quản lý chất lượng, áp dụng đối với các bệnh viện có hoạt động sản xuất, bào chế thuốc. Máy sản xuất, bào chế thuốc có thiết kế khác nhau, một số máy móc, thiết bị sản xuất thuốc có chiều cao từ 5-7 mét, đòi hỏi thiết kế kho có độ cao phù hợp. Đề nghị: Bổ sung mục quy định chiều cao kho chứa thuốc trong danh mục của khoa dược	
12		**Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên**	1. Tại Phụ lục 1 Danh mục công trình sự nghiệp lĩnh vực Y tế Mục 30. Dược (trang 13): a) Đề nghị bổ sung các không gian chức năng sau vào Các phòng bào chế tân dược, đông dược: - Sản xuất thuốc dạng bào chế truyền thống, dạng bào chế hiện đại - Khu vực kiểm tra, kiểm soát chất lượng b) Đề nghị điều chỉnh, bổ sung tên một số không gian chức năng sau trong Phòng chế dược liệu khô: - Xay tán => Bào, xay, sao, trộn - Bếp sắc thuốc, nấu cao => Khu vực sắc thuốc, nấu cao. 2. Tại Phụ lục Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng khám bệnh, chữa bệnh a) Mục 4.8.1. Khu vực sản xuất, Bảng 19 (trang 35), đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau: 4.8.1.1 Phòng pha chế các loại dung môi khác => 4.8.1.2 Phòng pha chế các loại dung môi khác 2 4.8.1.3 Sản xuất thuốc dạng bào chế truyền thống: 20-32 (m2/phòng) 4.8.1.4 Sản xuất thuốc dạng bào chế hiện đại: 36-45 (m2/phòng) 4.8.1.5 Khu vực kiểm tra, kiểm soát chất lượng: 20-32 (m2/phòng) b) Mục 4.8.2. Khu vực bảo quản, cấp phát Bảng 19 (trang 35), đề nghị bổ sung như sau: 4.8.2.2 Kho dược (kho thuốc chính, kho thuốc lẻ nội trú, kho lẻ ngoại trú) => 4.8.2.2 Kho dược (kho thuốc chính, kho thuốc lẻ nội trú, kho lẻ ngoại trú, kho thành phẩm sản xuất…) Tùy theo quy mô điều kiện năng lực chuyên môn của bệnh viện đề xuất số lượng phòng, diện tích phòng cho phù hợp.	Nghiên cứu chỉnh sửa
13		**Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh**	1. Một số không gian chức năng chính thuộc lĩnh vực Pháp y tâm thần tại Phụ lục 2 không được thể hiện trong khi các mục này đã được đề cập tại Phụ lục 1. Cụ thể: Kho dược; kho bông băng y tế, dụng cụ y tế, kho dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao; quầy cấp phát. 2. Về thể thức và cách trình bày: Tại Phụ lục 1 điều chỉnh thành:DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC Y TẾ (Ban hành kèm theo Thông tư...) và Rà soát và chỉ giữ lại các dấu “x” cho những hạng mục phù hợp với từng lĩnh vực y tế, tránh trùng lắp	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Tại Phụ lục 2 điều chỉnh thành:DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC Y TẾ (Ban hành kèm theo Thông tư...) và Đánh số thứ tự lại sao cho dễ nhìn	
14		**Viện Pháp y quốc gia**	1. Phụ lục 1: Mục A tại tiểu mục 1.10 lĩnh vực giám định pháp y đề nghị bổ sung các mục sau: 1. La bo lý thuyết, giảng đường. 2. Phòng chỉ đạo tuyến. 3. Phòng Công nghệ thông tin. 4. Phòng giám định tình dục có trẻ em. 5. Phòng giám định hài cốt. 6. Phòng hội chẩn chuyên môn. 7. Khoa giải phẫu bệnh pháp y. 8. Khoa Y sinh học. 9. Khoa Độc chất. 10. Phòng giám định tang vật. 11. Phòng điện não, điện tim. 12. Phòng CT, MRI. Vì thực tế các khoa, phòng trên hiện đang có tại đơn vị để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định. 2. Phụ lục 2: Đối với lĩnh vực pháp y có các labo Y sinh học (ADN), labo giám định Độc chất và labo giải phẫu bệnh. Pháp y gồm rất nhiều phòng khác nhau như nhận, xử lý mẫu bệnh phẩm, xét nghiệm, lưu trữ mẫu, phòng máy..... Vì vậy cần có quy định mở để có các căn cứ bố trí diện tích các labo cho phù hợp.	Nghiên cứu chỉnh sửa
15		**Sở Y tế Đà nẵng**	2. Tại phụ lục 2: Diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Dự thảo, cụ thể tại STT 16.1; 16.3 mục B8.3.6. Y học cổ truyền và STT 17.1; 17.2 mục B8.3.7. Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng", góp ý tại cột "chú thích" như sau: Cần nêu rõ số lượng giường bệnh tối đa được đặt trong diện tích chuyên dùng theo đơn vị tính "m2/chỗ" vào cột "Chú thích", để cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có cơ sở xây dựng định mức và bố trí phù hợp quy định.	Không chỉnh sửa
		Sở Y tế Hà Nội	STT từ 1.5.19 đến 1.5.24 tại Phụ lục 1 kèm dự thảo Điều chỉnh từ "Khoa" thành "Khoa/Phòng" STT 4.16 đến 4.35 và các mục tương tự tại Phụ lục 2 kèm dự thảo Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, chỉnh sửa lại như sau: "Khu vực lao động trị liệu/khu học nghề"	Nghiên cứu chỉnh sửa một phần

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, chỉnh sửa lại như sau: "Khu vực lao động trị liệu/khu học nghề"Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, quy định làm rõ các nội dung như sau: - Diện tích tại 2 mục này có bao gồm diện tích cho các vị trí nữ hộ sinh, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên không. - Quy định cụ thể sự khác nhau của Phòng điều dưỡng và Chỗ làm việc điều dưỡng. Phần chú thích của STT 9.29 tại Phụ lục 2 kèm Dự thảoSở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, điều chỉnh lại nội dung chú thích phù hợp với diện tích Khu vực để xe lăn, băng ca (bố trí tại sảnh đón tiếp, cấp cứu) Tên các diện tích có nội dung: "Phòng lưu bệnh nhân 01 giường", "phòng lưu bệnh nhân lớn hơn 1 giường" tại tại Phụ lục 2 kèm Dự thảo:Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, làm rõ nội dung "Phòng lưu bệnh nhân" có phải là "Phòng điều trị nội trú" hay không? Trường hợp "phòng lưu bệnh" không phải là "phòng điều trị nội trú", Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế bổ sung "diện tích của phòng điều trị nội trú" STT B12. Xử lý nước thải y tế và STT B13. Xử lý chất thải rắn y tế tại Phụ lục 2Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, bổ sung 02 nội dung này tại Phụ lục 01 kèm theo dự thảo Thông tư STT 1.26. Khu vực để xe lăn, băng ca (bố trí tại sảnh đón tiếp, cấp cứu) tại Phụ lục 2: Diện tích: 1,2m2 – 1,5m2/xe lăn và 2,7m2 – 3m2/băng ca . STT từ 6.18 đến 6.30 Điều chỉnh tên các diện tích chuyên dùng từ từ 6.18 đến 6.30 tại phụ lục 2 khớp với tên các không gian chức năng tương ứng tại mục 1.5 phụ lục 1 kèm dự thảo. **B8.2 Diện tích chuyên dùng cho khu khám bệnh và điều trị ngoại trú** 10.21.1 Phòng khám sàng lọc trước tiêm 9-12 m2/chỗ 10.21.2 Phòng tiêm vắc xin 9-12 m2/chỗ tiêm 10.21.3 Khu theo dõi sau tiêm 1,2- 1,5 m2/người lớn và 1,5 - 1,8 m2/trẻ em m2/chỗ 10.21.4 Phòng chuẩn bị dụng cụ 4-6 m2/chỗ **B8.3.7 Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng** 17.10 Xưởng chỉnh hình, chân tay giả 17.10.1 Phòng đo đạc 15-20 (m2/phòng) 17.10.2 Xưởng sản xuất 30-40 (m2/xưởng) 17.10.3 Phòng hoàn thiện 10-15 (m2/phòng	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			B8.3.9 Y học hạt nhân – điều trị ung bướu 19.9 Khu vực chụp PET/CT 19.9.1. Phòng chụp PET/CT 40 - 45 m2/phòng 19.9.2. Phòng điều khiển PET/CT 12-18 m2/phòng 19.9.3. Phòng chờ bệnh nhân 12-18 m2/phòng 19.10 Khu vực chụp PET/MRI 19.10.1. Phòng chụp PET/MRI 40 - 45 m2/phòng 19.10.2. Phòng điều khiển PET/MRI 12-18 m2/phòng 19.10.3. Phòng chờ bệnh nhân 12-18 m2/phòng 19.11 Khu vực chụp SPECT/CT 19.11.1. Phòng chụp SPECT/CT 40 - 45 m2/phòng 19.11.2. Phòng điều khiển SPECT/CT 12-18 m2/phòng 19.11.3. Phòng chờ bệnh nhân 12-18 m2/phòng 19.12 Khu vực đặt hệ thống Cyclotron 400 - 500 m2/Khu vực 19.13 Khu vực đo độ tập trung tuyến giáp 12-18 m2/phòng 19.14 Khu vực đo loãng xương 19.14.1. Phòng đo loãng xương 18 - 20 m2/phòng 19.14.2. Phòng điều khiển 10-12 m2/phòng 19.14.3. Phòng chờ bệnh nhân 12-18 m2/phòng **B Bổ sung các nội dung chưa có đầu mục trong** **I Bổ sung Chuyên khoa mắt (Chưa có quy định cụ thể)** Phòng Laser tạo hình 1. vùng bè 9-12 (m2/phòng) 2 Phòng Laser mống mắt chu biên 9-12 (m2/phòng) 3 Phòng laser bao sau 9-12 (m2/phòng) 4 Phòng Laser võng mạc 9-12 (m2/phòng) 5 Phòng tiêm nội nhãn 9-12 (m2/phòng) 6 Phòng truyền rửa nấm 18-24 (m2/phòng) 7 Phòng tập nhược thị 18-24 (m2/phòng) 8 Phòng chỉnh chỉ 18-24 (m2/phòng) **II Khu vực khác** 1 Nhà tang lễ 1.000-2.000 (m2/khu)	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			2 Nhà đại thể 100-150 (m2/phòng) **C Khối Trung tâm chuyên khoa** **I Diện tích Trạm cấp cứu khu vực** 1 Diện tích chuyên dùng chung 1.1 Phòng giao ban, sinh hoạt chung 1,8 (m2/người) 1.2 Khu vệ sinh nhân viên (nam, nữ riêng biệt) 18 m2/phòng 1.3 Kho chung 18 m2 1.4 Phòng chuẩn bị dụng cụ 12 (m2/phòng) 1.5 Phòng thay quần áo 12 (m2/phòng) 1.6 Kho thuốc 9 m2/phòng 2 Khu văn phòng Trạm 2.1 Phòng trưởng trạm 18 m2/phòng 2.2 Phòng phó trưởng trạm 18 m2/phòng 3 Khu phụ trợ, hậu cần - kỹ thuật 3.1 Nhà để xe ô tô cấp cứu 25 (m2/xe) 3.2 Nhà để xe máy nhân viên 3 (m2/người 3.3 Nhà lưu trú nhân viên kiêm phòng trực (Nam và nữ riêng biệt) 36 (m2/phòng) 3.4 Kho thiết bị chống dịch 12 m2/phòng 3.5 Phục vụ (bếp, nấu) 12 m2/phòng **Khối Bệnh viện chuyên khoa** **B8.3.11. Hỗ trợ sinh sản** 2.13 Phòng Lưu trữ Phôi 50 m2/phòng 2.14 Trung tâm tế bào gốc - Ngân hàng Mô 2.14.1 Phòng Ngân hàng Mô 100 m2/phòng 2.14.2 Phòng Lab - xét nghiệm tế bào 30 m2/phòng 2.14.3 Phòng Lab - xử lý tế bào 100 m2/phòng 2.14.4 Phòng phân tích nhiễm sắc thể 30 m2/phòng 2.14.5 Phòng Nuôi cấy tế bào ối và máu 30 m2/phòng 2.14.6 Phòng thu hoạch tế bào 30 m2/phòng 2.14.7 Phòng làm phôi tế bào 30 m2/phòng	
17		**Sở y tế tỉnh Lạng Sơn**	Phụ lục 2 phần B5 lĩnh vực Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội: Đề nghị bổ sung thêm diện tích chuyên dùng của phòng tang lễ, nhà thắp hương cho đối tượng qua đời	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Lý do: Căn cứ quy định tại Thông tư 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội: Điều 7. Tiêu chuẩn về môi trường, khuôn viên và nhà ở: Điểm d, Khoản 1: "Có phòng tang lễ, nhà thắp hương cho đối tượng qua đời".	
18		**Sở y tế tỉnh Lào Cai**	Tại Phụ lục I, II kèm theo dự thảo Thông tư: Bổ sung danh mục, diện tích chuyên dùng cho: Khu telehealth, tư vấn từ xa; Khu khí y tế; Khu máy phát, trạm điện; Khu lưu trữ chất thải y tế nguy hại.	Nghiên cứu chỉnh sửa
19		**Sở y tế tỉnh Tây Ninh**	1. Tại Phụ lục 01: danh mục công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế: - Dòng số thứ tự 1.2.16: Khu vực để xe lăn, băng ca (bố trí tại sảnh đón tiếp, cấp cứu), cột "Giám định y khoa" đề nghị bổ sung có đánh dấu (x). Lý do: Đảm bảo thuận tiện di chuyển cho người khuyết tật, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp… 2. Tại phụ lục 02 Xử lý nước thải: cần qui định rõ các thông số của mẫu nước thải sau xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung.	Nghiên cứu chỉnh sửa một phần.
20		**Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia**	**1. Sửa đổi và bổ sung danh mục công trình sự nghiệp trong lĩnh vực Y tế tại Hạng mục Lĩnh vực Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thuộc Mục 1.3, Phụ lục I** 1.3.84 Phòng trưởng, phó khoa 1.3.85 Phòng chuyên gia 1.3.86 Phòng Hành chính các Đơn vị 1.3.87 Phòng chuẩn bị dụng cụ 1.3.88 Phòng giặt, tiệt trùng quần áo 1.3.89 Kho lưu mẫu 1.3.90 Kho lưu hồ sơ 1.3.91 Kho văn phòng phẩm 1.3.92 Kho vật tư 1.3.93 Kho hóa chất thông thường 1.3.94 Kho hóa chất cháy nổ 1.3.95 Khu vực sản xuất nước tinh khiết 1.3.96 Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thửnghiệm 1.3.97 Khu vực đặt cân phân tích 1.3.98 Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt 1.3.99 Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn	Nghiên cứu chỉnh sửa

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			1.3.100 Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường 1.3.101 Khu vực đặt thiết bị áp lực 1.3.102 Khu vực thay quần áo thử nghiệm 1.3.103 Phòng chuẩn bị dụng cụ 1.3.104 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thửhóa lý 1.3.105 Khu vực xử lý mẫu thử hóa lý 1.3.106 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thửvi sinh 1.3.107 Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn vi sinh. 1.3.108 Khu vực xử lý mẫu thử vi sinh 1.3.109 Hệ thống phòng sạch 1.3.110 Khu vực đóng, ra lẻ chúng chuẩn vi sinh 1.3.111 Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn. 1.3.112 Khu vực bảo quản hóa chất 1.3.113 Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất 1.3.114 Khu vực tủ hút mùi 1.3.115 Khu vực đặt cân cho sản xuất chất chuẩn 1.3.116 Khu vực sản xuất mẫu chuẩn 1.3.117 Khu vực sản xuất ống chuẩn độ 1.3.118 Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử độc tính 1.3.119 Khu vực xử lý mẫu thử độc tính 1.3.120 Phòng nuôi động vật 1.3.121 Phòng cách ly động vật trước thửnghiệm 1.3.122 Phòng tạm giữ động vật thí nghiệm 1.3.123 Phòng thử nghiệm trên động vật 1.3.124 Phòng thử thuốc 1.3.125 Phòng phẫu thuật trên động vật 1.3.126 Phòng nuôi cấy tế bào 1.3.127 Phòng chuẩn bị thức ăn cho động vật 1.3.128 Phòng kho đặc thù 1.3.129 Phòng để tủ đông đựng xác động vật thí nghiệm 1.3.129 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích 1.3.130 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			1.3.131 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng 1.3.132 Khu vực có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn tương ứng với phạm vi chứng nhận. 1.3.133 Phòng tiếp, tư vấn khách hàng và nhận mẫu 1.3.134 Phòng/khu vực phòng làm việc khu phân tích 1.3.135 Phòng/khu vực thiết bị phân tích 1.3.136 Phòng/ khu vực xử lý mẫu hóa lý 1.3.137 Phòng/ khu vực xử lý mẫu sinh học 1.3.138 Phòng/khu vực tủ hút mùi 1.3.139 Phòng/khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn 1.3.140 Phòng/khu vực lưu nẫu, bảo quản mẫu thực phẩm 1.3.141 Phòng/khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu sinh học 1.3.142 Phòng/khu vực vật tư, phụ kiện phân tích 1.3.143 Phòng/khu vực thiết bị điện dự phòng, máy chủ 1.3.144 Phòng/khu vực thiết bị chịu áp lực 1.3.145 Phòng giặt, tiệt trùng quần áo 1.3.146 Phòng/khu vực kho vật tư lâm sàng 1.3.147 Phòng/khu vực viết hồ sơ, phân tích thống kê 1.3.148 Khu sản xuất chất chuẩn 1.3.149 Khu sản xuất mẫu thử nghiệm thành thạo 1.3.150 Khu giám định mẫu thực phẩm 1.3.151 Khu kiểm nghiệm độc học và dị nguyên 1.3.152 Khu kiểm nghiệm tồn dư và ô nhiễm hóa chất 1.3.153 Khu phân tích kim loại và vi khoáng 1.3.154 Phòng dinh dưỡng phụ gia và cảm quan thực phẩm	

			2. Sửa đổi và bổ sung diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực Y tế tại Hạng mục Lĩnh vực Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm nằm trong Bảng 3 – Lĩnh vực Kiểm định, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm – Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, Phụ lục II Lĩnh vực kiểm nghiệm an toàn thực phẩm 4.47. Phòng trưởng, phó khoa (m2/phòng) 18-20 4.48. Phòng chuyên gia (m2/chỗ) 6-9 4.49 Phòng Hành chính các Đơn vị (m2/người) Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người); Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) 4.50 Phòng chuẩn bị dụng cụ (m2/chỗ) 4-6 "chỗ": Bao gồm không gian thực hiện công tác chuẩn bị dụng cụ của nhân viên y tế 4.51 Phòng giặt, tiệt trùng quần áo (m2/chỗ) 4-6 "chỗ": Bao gồm không gian thực hiện công tác giặt, tiệt trùng đồ vải 4.52 Kho lưu mẫu (m2/phòng) 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.53 Kho lưu hồ sơ (m2/phòng) 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.54 Kho văn phòng phẩm (m2/phòng) 12-15 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.55 Kho vật tư (m2/phòng) 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.56 Kho hóa chất thông thường (m2/phòng) 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.57 Kho hóa chất cháy nổ (m2/phòng) 100-150. Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng kho cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích. 4.58 Khu vực sản xuất nước tinh khiết (m2/phòng) Căn cứ nhu cầu sử dụng nước sạch để xác định diện tích cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.59 Khu vực kiểm nghiệm m2 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.60 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.61 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm: Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người), Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Khu vực xử lý mẫu thử thực phẩm bảo vệ sức khỏe...) **Khu vi sinh và biến đổi gen** **- Vi sinh thực phẩm** 4.62 Khu vực kiểm nghiệm m2 800-100 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.63 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 150-200 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.64 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Biến đổi gen/ Sinh học phân tử Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) **- Biến đổi gen/ Sinh học phân tử** 4.65 Khu vực kiểm nghiệm m2 300-500 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.66 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 150-200 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.67 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử vi sinh, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn vi sinh, Khu vực xử lý mẫu thử vi sinh, Hệ thống phòng sạch, Khu vực đóng, ra lẻ chúng chuẩn vi sinh...) **Sản xuất mẫu chuẩn và chất chuẩn** 4.69 Khu vực tạo mẫu m2 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.70 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.71 Khu vực lưu mẫu m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.72 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người)	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			(Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn, Khu vực bảo quản hóa chất, Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất, Khu vực tủ hút mùi, Khu vực sản xuất chất chuẩn, Khu vực sản xuất ống chuẩn độ...) **Khu động vật thực nghiệm** 4.73 Khu vực tiếp nhận, nuôi động vật trước khi thả: Động vật ngủ ngày (chuột cống, chuột nhắt): 100-150m2; Động vật ngủ đêm (thỏ, chuột lang): 200-250m2; Động vật khác (chim, các giun): 100-120m2 4.74 Khu vực thực nghiệm động vật m2 80-100 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.75 Khu vực nuôi theo dõi thuốc Thỏ: 80-120m2; Chuột cống: 60-80m2; Chuột lang: 100-120m2; Chuột nhắt: 50-70m2; Chim, cá, giun: 80-100m2 4.76 Khu vực thử nghiệm hóa sinh, mỗ, giải phẫu động vật 100-150 m2 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.77 Khu vực vệ sinh, xửlý lồng chuồng, thức ăn cho động vật m2 400-600 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.78 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thử dược lý, Khu vực xử lý mẫu thử dược lý, Phòng nuôi động vật, Phòng cách ly động vật trước thử nghiệm, Phòng tạm giữ động vật thí nghiệm, Phòng thử nghiệm trên động vật, Phòng thử chất gây sốt, Phòng phẫu thuật trên động vật, Phòng nuôi cấy tế bào, Phòng chuẩn bị thức ăn cho động vật, Phòng kho đặc thù, Phòng để tủ đông đựng xác động vật thí nghiệm...) **Khu hiệu chuẩn thiết bị kiểm nghiệm**	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.79 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực khối lương 30-50 m2 4.80 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực nhiệt 30-50 m2 4.81 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực dung tích và lưu lượng 30-50 m2 4.82 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực hóa lý 30-50 m2 4.83 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực quang học 30-50 m2 4.84 Khu vực hiệu chuẩn thiết bị lĩnh vực thời gian và tần số m2 30-50 4.85 Khu vực thử nghiệm thiết bị lĩnh vực cơ m2 30-50 4.86 Khu vực hiệu chuẩn, thửnghiệm lĩnh vực khác m2 30-50 4.87 Khu vực bảo quản thiết bị đo, chuẩn độ lỏng m2 60-90 4.88 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Phòng có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn dung tích, Phòng có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn nhiệt, Phòng có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn khối lượng, Phòng có các chuẩn đo lường đáp ứng lĩnh vực hiệu chuẩn tương ứng với phạm vi chứng nhận...) **Khu sản xuất mẫu thử nghiệm thành thạo (PT)** 4.89 Khu vực tạo mẫu m2 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.90 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.91 Khu vực lưu mẫu m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.92 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) - Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			rửa dụng cụ, Khu vực bảo quản chuẩn, nguyên liệu làm chuẩn, bán thành phẩm chuẩn, Khu vực bảo quản hóa chất, Khu vực bảo quản phụ liệu dùng cho sản xuất, Khu vực tủ hút mùi, Khu vực sản xuất mẫu thử nghiệm thành thạo (PT)...) **Khu giám định mẫu thực phẩm** 4.93 Khu vực giám định m2 60-90 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. **Khu kiểm nghiệm độc học và dị nguyên** 4.94 Khu vực kiểm nghiệm m2 200-250 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.95 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 200-250 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.96 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết b sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thực phẩm kiểm nghiệm độc học và dài nguyên, Khu vực xử lý mẫu thử thực phẩm kiểm nghiệm độc học và dị nguyên...) Khu kiểm nghiệm tồn dư và ô nhiễm hóa chất 4.97 Khu vực kiểm nghiệm m2 200-250 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.98 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 200-250 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích. 4.99 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu tồn dư và ô nhiễm hóa chất, Khu vực xử lý mẫu thử thực phẩm tồn dư và ô nhiễm hóa chất...) **Khu phân tích kim loại và vi khoáng**	

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
			4.100 Khu vực kiểm nghiệm m2 200-250 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.101 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.102 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thực phẩm kiểm nghiệm kim loại và vi khoáng, Khu vực xử lý mẫu thử thực phẩm kiểm nghiệm kim loại và vi khoáng...) **Khu dinh dưỡng, phụ gia và cảm quan thực phẩm** 4.103 Khu vực kiểm nghiệm m2 100 – 150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.104 Khu vực chuẩn bị, phụ trợ m2 100-150 Căn cứ nhu cầu sử dụng để xác định số lượng cho phù hợp. Trường hợp có nhiều hơn 01 khu, có thể gộp diện tích 4.105 Khu vực hành chính, nhân viên kiểm nghiệm Chuyên viên và các chức danh tương đương: 15 (m2/người) Hợp đồng lao động: 10 (m2/người) (Khu vực viết hồ sơ, lưu hồ sơ thử nghiệm, Khu vực đặt cân phân tích, Khu vực đặt thiết bị sinh nhiệt, Khu vực bảo quản hóa chất, chất chuẩn, Khu vực đặt thiết bị có kiểm soát điều kiện môi trường, Khu vực đặt thiết bị áp lực, Khu vực thay quần áo thử nghiệm, Khu vực rửa dụng cụ, Khu vực lưu mẫu, bảo quản mẫu thực phẩm kiểm nghiệm dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm, Khu vực xử lý mẫu thử thực phẩm kiểm nghiệm dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm...)	
B	**Nội dung dự thảo Tờ trình**			
I	**Sự cần thiết ban hành văn bản**			
II	**Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư**			
III	**Quá trình xây dựng dự án, dự thảo văn bản**			
IV	**Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư**			
	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng			
V	**Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành thông tư và thời gian trình ban hành**			

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
C	**DANH SÁCH ĐƠN VỊ GÓP Ý NHẤT TRÍ VÀ KHÔNG CÓ Ý KIẾN KHÁC**			
1	Bộ Xây Dựng số: 14062 /BXD-KTQLXD ngày 26.11.2025 (02 ý kiến tiếp thu)			
2	Bệnh viện 74 Trung ương số: 2083/BV74TW-HCQT ngày 18.11.2025 (01 ý kiến tiếp thu)			
3	Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Đà Nẵng số 1198 CV/BVCHĐH			
4	Bệnh viện răng hàm mặt trung ương thành phố Hồ Chí Minh số 1747/RHMTW			
5	Bệnh viện Thống Nhất số 2423/BVTN-HC ngày 19.11.2025			
6	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên số 1728/CV-BVT ngày 16.10.2025			
7	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch số 492/YHCT-TCHC ngày 15.10.2025			
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên số 439/YHCT-TCKT ngày 15.10.2025			
9	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh số 1120/YHCT-KHTH ngày 15.10.2025			
10	Trung tâm phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An sốn 353/TTTA-TCCB ngày 19.11.2025			
11	Trung tâm cao đẳng Trung ương Hải Dương số 1723/CV-CĐD ngày 24.11.2025			
12	Trường đại học kỹ thuật y - dược Đà Nẵng số 661/ĐHKTYĐN ngày 19.11.2025			
13	Viện Kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh số 1344/VKNT-HCQT ngày 24.11.2025			
14	Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa số 965/VPYTW-HCQT ngày 24.11.2025			
15	Viện sốt rét - KST - CT TP. Hồ Chí Minh số 828/VSR-TCHC ngày 12.11.2025			
16	Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ số 421/PYTTTNB ngày 19.11.2025			
17	Bệnh viện phụ sản TP. Cần Thơ số 2543/BVPS-HCQT ngày 20.11.2025			
18	Viện Yhọc dân tộc TP.Hồ Chí Minh số 2648/VYDHDT ngày 21.11.2025			
19	Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long số 6815 /UBND-KGVX ngày 21.11.2025			
20	Sở xây dựng tỉnh Ninh Bình số 6065 /SXD-QHKT ngày 21.11.2025			
21	Sở y tế tỉnh Cà Mau số 6679/SYT-KHTC ngày 23.11.2025			
22	Sở y tế tỉnh Bắc Ninh số 2836/SYT-KHTH ngày 20.11.2025			
23	Sở y tế n tỉnh Cao Bằng số 6573/SYT-TCKH ngày 19.11.2025			

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
24	Sở y tế tỉnh Điện Biên số 4123/SYT-KHTC ngày 19.11.2025			
25	Sở y tế tỉnh Đồng Nai số 4642/SYT-KHTC ngày 19.11.2025			
26	Sở y tế tỉnh Đồng Tháp số 3859/SYT-KHTC ngày 25.11.2025			
27	Sở y tế tỉnh Gia Lai số 4302/SYT-KHTC ngày 18.11.2025			
28	Uỷ ban nhân dân xã Ba Vì số 922/UBND-VHXH ngày 19.11.2025			
29	Uỷ ban nhân dân phường Bạch Mai số 1096/UBND-VHXH ngày 19.11.2025			
30	Uỷ ban nhân dân phường Dương Nội số 1107/UBND-VHXH ngày 18.11.2025			
31	Uỷ ban nhân dân phường Hai Bà Trưng số 1132/UBND-KTHT&ĐT ngày 18.11.2025			
32	Uỷ ban nhân dân phường Hoàn Kiếm số 1137/UBND-VHXH ngày 18.11.2025			
33	Uỷ ban nhân dân phường Khương Đình số 974/UBND-KTHT&ĐT ngày 19.11.2025			
34	Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Hà số 1083/UBND-VHXH ngày 21.11.2025			
35	Uỷ ban nhân dân phường Phú Lương số 1508/UBND-VHXH ngày 20.11.2025			
36	Uỷ ban nhân dân phường Tây Hồ số 1116/UBND-VHXH ngày 21.11.2025			
38	Uỷ ban nhân dân phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám số 1116/UBND-VHXH ngày 19.11.2025			
39	Uỷ ban nhân dân phường Vĩnh Hưng số 1158/UBND-VHXH ngày 18.11.2025			
40	Uỷ ban nhân dân phường Xuân Đỉnh số 936/UBND-VHXH ngày 18.11.2025			
41	Uỷ ban nhân dân phường Yên Hòa số 960/UBND-TYT ngày 17.11.2025			
42	Uỷ ban nhân dân phường Yên Sở số 836/UBND-VHXH ngày 27.11.2025			
43	Uỷ ban nhân dân xã Phúc Lộc số 932/UBND-VHXH ngày 28.11.2025			
44	Uỷ ban nhân dân xã Thư Lâm số 696/UBND-VHXH ngày 20.11.2025			
45	Uỷ ban nhân dân xã Ứng Hòa số 1017/UBND-YT ngày 19.11.2025			
46	Uỷ ban nhân dân xã Xuân Mai số 986/UBND-VHXH ngày 20.11.2025			
47	Sở y tế Hải Phòng số 7609/SYT-KHTC ngày 19.11.2025			
48	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm sở y tế Hưng Yên số 596/ATTP-VP ngày 17.11.2025			

TT	Tên, điều, khoản dự thảo Thông tư	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu giải trình
49	Uỷ ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa số 3835/SYT-KHTC ngày 12.11.2025			
50	Sở y tế tỉnh Lai Châu số 3602/SYT-KHTC ngày 19.11.2025			
51	Sở y tế tỉnh Ninh Bình số 3207 /SYT-TC ngày 20.11.2025			
52	Sở y tế tỉnh Quảng Ngãi số 2768/SYT-KHTC ngày 20.11.2025			
53	Sở y tế tỉnh Sơn La số 3424/SYT-KHTC ngày 19.11.2025			
54	Sở y tế tỉnh Thái Nguyên số 4042/SYT-KHTC ngày 18.11.2025			
55	Sở y tế tỉnh Thanh Hóa số 8854/SYT-KHTC ngày 20.11.2025			
56	Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh số 7407/SYT-KHTC ngày 21.11.2025			
57	Sở y tế tỉnh Tuyên Quang số 2060/SYT-KHTC ngày 12.11.2025			
58	Sở y tế tỉnh Vĩnh Long số 4336 /SYT-KHTC ngày 20.11.2025			
59	Viện Pasteur Nha Trang số 2572/IPN-KHVN ngày 26.12.2025			